

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/DSPT

Ngày: 09/5/2019

V/v: T/c thừa kế theo di
chức.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Nguyễn Quốc Thái**

Các Thẩm phán:

Bà: **Trần Thị Liên Anh**

Bà: **Ngô Thị Thu Thiện**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hạnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26 /2019/TLPT- DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản theo di chúc”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DSST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2019/QĐPT- DS ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Hữu A, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP. Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đặng Hữu A:

Bà Nguyễn Thị Bạch B— Luật sư Công ty luật TG thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Đặng Hữu C, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP.Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Hữu D, sinh năm 1965.

2. Ông Đặng Hữu E, sinh năm 1955

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đặng Hữu E là anh Đặng Hữu F, sinh năm 1981.

3. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1958

4. Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1970

5. Anh Nguyễn Khắc H2, sinh năm 1976

6. Anh Nguyễn Khắc H3, sinh năm 1979

7. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP. Hà Nội

8. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn TL, xã PK, huyện TT, TP.Hà Nội

9. Bà Đỗ Thị H6, sinh năm 1969

10. Anh Đặng Hữu H7, sinh năm 1990

11. Anh Đặng Hữu H8, sinh năm 1993

12. Chị Đặng Thị H9, sinh năm 1995

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đỗ Thị H6, anh Đặng Hữu H7 , anh Đặng Hữu H8, chị Đặng Thị H9 là ông Đặng Hữu D

13. Bà Đặng Thị H10, sinh năm 1965

14. Chị Đặng Thu H11, sinh năm 1987

15. Chị Đặng Bích H12, sinh năm 1989

16. Anh Đặng Hữu H13, sinh năm 1995

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị H10, chị Đặng Thu H11, chị Đặng Bích H12, anh Đặng Hữu H13 là ông Đặng Hữu C

17. Ông Khương Văn H14 (tức Nguyễn Khương H14), sinh năm 1965

18. Bà Phùng Thị H15, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP. Hà Nội.

19. Chị Nguyễn Thị H16, sinh năm 1979

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị H16 là anh Nguyễn Khắc H3.

Cùng địa chỉ: Thôn TH, xã BP, huyện TT, TP. Hà Nội

20. Ủy ban nhân dân xã BP, huyện TT, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H15– Chủ tịch UBND xã BP.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn H16 – Phó chủ tịch UBND xã BP (vắng mặt);

21. Ông Nguyễn Hữu H16, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn PH, xã BP, huyện TT, TP. Hà Nội

22. Bà Nguyễn Thị H17, sinh năm 1975.

23. Ông Đặng Đình H18, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số 4, khu 5B, thị trấn ND, huyện LB, TP. Lạng Sơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Đặng Hữu A trình bày:

Bố ông tên là Đặng Hữu I sinh năm 1931 (chết ngày 22 tháng 11 âm lịch năm 2008) và mẹ ông tên là Phùng Thị K, sinh năm 1933 (chết ngày 03 tháng 12 âm lịch năm 2002). Bố mẹ ông sinh được 08 người con, gồm:

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1952 (đã chết năm 1982), có chồng là ông Nguyễn Khắc M (đã chết năm 2013) và 03 con là Nguyễn Thị H4, Nguyễn Khắc H2, Nguyễn Khắc H3 .

2. Ông Đặng Hữu E;

3. Bà Đặng Thị H;

4. Bà Nguyễn Thị H5;

5. Ông Đặng Hữu C;

6. Ông Đặng Hữu D;

7. Bà Đặng Thị H1;

8. Ông Đặng Hữu A.

Nay ông khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của bố ông để lại cụ thể như sau: Nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m², đều là đất bờ ao, địa chỉ ở thôn TH, xã BP, huyện TT, Hà Nội là của cụ Đặng Hữu I. Năm 1987, cụ I nói cho ông D và ông C để làm nhà ở riêng. Năm 1987, ông D cùng cụ I và các con cụ I đã xây 03 gian nhà cấp bốn trên thửa đất số 224, đến năm 1989, ông D ra thửa đất số 224 sinh sống.

Sau đó ông C cũng ra làm nhà ở thửa đất số 223. Năm 2003, ông C tự ý bán 01 phần diện tích đất cho ông Khương Văn H14, bà Phùng Thị H15 với giá 180.000.000 đồng nhưng không hỏi ý kiến của cụ I, khi ông H14, bà H15 xin chữ ký của cụ I thì cụ I không ký. Sau một thời gian ông H14, bà H15 ra xây dựng nhà, cụ I đã can ngăn thì giữa các bên xảy ra tranh chấp, ông C đã dội nước sôi vào cụ I nên đến tháng 5/2004 cụ I đã lập di chúc phân chia thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² thành 3 phần cho ông D, ông C và ông. Phần đất của ông được 7,5 m chiều dài tính theo mặt đường. Di chúc của cụ I đã được UBND xã BP chứng thực hợp pháp. Đối với phần đất ông được chia theo di chúc thì ông C đã bán cho ông Khương Văn H14, bà Phùng Thị H15.

Nay ông đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C với bà H15, ông H14 lập ngày 14 tháng 6 năm 2003 và phân chia di sản của cụ I theo di chúc lập ngày 24/5/2004 đối với thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² cho ông và ông C, ông D. Phần của ông được hưởng theo di chúc là 7,5 mét chiều ngang, sâu vào trong ao liền kề với đất của ông C.

Ngoài ra cụ I còn các tài sản: Đất ở tại thửa số 89, tờ bản đồ số 4, diện tích 188m² ông đang quản lý sử dụng. Phần đất ruộng cụ I, cụ K được chia theo tiêu chuẩn của hộ gia đình tại thửa số 248, tờ bản đồ số 02, diện tích 522m² khu ĐA, phần diện tích đất này Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi; thửa số 117, tờ bản đồ số 02, diện tích 216m² khu ĐC, phần diện tích đất này cụ I đã bán cho anh Nguyễn Khắc H3 vào năm 2006; thửa số 412, tờ bản đồ số 02, diện tích 384m² khu ĐC1; đất ruộng tại thửa số 101, tờ bản đồ số 01, diện tích 792m² khu ĐV, phần diện tích đất này cụ I đã trả bà H5 theo tiêu chuẩn được hưởng; thửa số 41, tờ bản đồ số 01, diện tích 216m² khu ĐG, phần diện tích đất này Nhà Nước đã thu hồi, cụ I nhận đền bù vào năm 2006. Đối với các tài sản này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cụ I, cụ K ốm chết trong thời gian ngắn nên các con đều tập trung chăm sóc lúc ốm đau và lo mai táng, ông không yêu cầu Tòa án xem xét phần công sức chăm sóc sức khỏe, lo mai táng cho bố mẹ.

Ông Đặng Hữu C trình bày: Về họ tên, ngày chết và các con của cụ Phùng Thị K, cụ Đặng Hữu I như ông A trình bày là đúng. Về nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m²

đều là đất bờ ao, ao của HTX, địa chỉ thửa đất: Thôn TH, xã BP, huyện TT, Hà Nội là của cụ Đặng Hữu I chia cho ông và ông D vào năm 1987. Lúc đó ông đi làm thợ có tiền nên nhờ ông E, ông D làm nhà hộ và ông đã sinh sống từ đó cho đến nay. Năm 2003 ông C có chuyển nhượng cho ông H14 và bà H15 một phần thửa đất mà ông đã xây dựng nhà vào năm 1987 thì cụ I nghe tin ông bán đất cho ông H14, bà H15 nên cụ I đã đuổi ông H14 dẫn đến tranh chấp, UBND xã BP đã giải quyết nhưng chưa xong. Ngày 24/5/2004, cụ I có lập di chúc chia lại đất cho ông, ông D và ông A tại 02 thửa đất nêu trên, trong đó phần đất ông A được hưởng chính là phần đất ông đã chuyển nhượng cho ông H14, bà H15. Đối với phần tài sản khác của cụ I như đất nhà ở, hiện nay ông A đang sử dụng và đất nông nghiệp không lập di chúc, ông đồng ý với lời trình bày của ông A. Nay ông A khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ I lập ngày 24/5/2004, ông không đồng ý vì: Hai thửa đất nêu trên cụ I đã chia cho ông và ông D vào năm 1987; cụ I lập di chúc chia quyền sử dụng đất nhưng trên đất có tài sản là nhà của ông và ông D đã xây dựng và sinh sống ổn định hơn 15 năm mà không được sự đồng ý của ông và ông D; Thời điểm lập di chúc thì đất đang có tranh chấp nên di chúc không hợp pháp. Diện tích đất bờ tre năm 1987 cụ I chia cho ông và ông D có chiều dài 24 m mặt đường, chiều dài đất từ mặt đường vào ao hợp tác xã (chiều rộng) là 02m, quá trình sử dụng ông và ông D đã san đất lấn ra ao của Hợp tác xã nên diện tích đất đã tăng như hiện nay. Ông không yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản khác của cụ I và cụ K như đất nhà hiện nay ông A đang quản lý sử dụng và đất nông nghiệp.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Đặng Hữu D trình bày: Ông là con của cụ Đặng Hữu I và cụ Phùng Thị K. Về ngày chết và các con của cụ I, cụ K, cũng như nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² như ông C trình bày là đúng, ông không bổ sung gì nữa. Ông đồng ý với quan điểm của ông C về việc không yêu cầu Tòa án xem xét đối với các tài sản khác của cụ I, cụ K để lại chưa lập di chúc. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông A về chia thừa kế di sản theo di chúc của cụ I vì đất bờ ao thuộc quyền quản lý của ông và ông C đã được cụ I phân chia từ năm 1987.

- Ông Đặng Hữu E và người đại diện theo ủy quyền của ông E là anh Nguyễn Hữu F đều trình bày: Ông E là con của cụ Đặng Hữu I và cụ Phùng Thị K. Về ngày chết và các con của cụ I, cụ K, cũng như nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² như ông C trình bày là đúng. Khi ông C, ông D được cụ I cho đất là đất bỏ hoang,

không Có tài sản gì của cụ I. Toàn bộ nhà xây dựng trên thửa đất số 223 và số 224 là do vợ chồng ông C và vợ chồng ông D xây dựng để sinh sống. Đối với phần tài sản của cụ I, cụ K không lập di chúc, chưa chia, ông nhất trí lời trình bày của ông A. Nay ông A yêu cầu chia thừa kế theo di chúc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m², ông không đồng ý vì toàn bộ diện tích đất này cụ I, cụ K đã cho ông C vào năm 1987. Đối với các phần tài sản của cụ I, cụ K là đất ở hiện ông A đang sử dụng, đất nông nghiệp thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để anh em tự giàn xếp, sau này xảy ra tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

- Bà Đặng Thị H, bà Đặng Thị H1, bà Nguyễn Thị H5 đều trình bày: Các bà là con gái của cụ Đặng Hữu I và cụ Phùng Thị K. Về ngày chết và các con của cụ I, cụ K, cũng như nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² như ông C, ông D, ông E trình bày là đúng. Ông A khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc các bà không đồng ý vì khi còn sống cụ I, cụ K đã chia đất cho các ông D, Phúc, Khuê, Chinh nên các bà là con gái không Có ý kiến gì. Đối với phần tài sản chưa lập di chúc các bà không yêu cầu chia thừa kế, nếu Tòa án xem xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thì các bà đề nghị được hưởng theo tiêu chuẩn.

- Chị Nguyễn Thị H4, anh Nguyễn Khắc H2, anh Nguyễn Khắc H3 trình bày: Các anh, chị là con của bà Đặng Thị L chết năm 1982, ông Nguyễn Khắc M chết năm 2013 và là cháu ngoại của cụ Đặng Hữu I, cụ Phùng Thị K. Do các anh chị là cháu ngoại của cụ I, cụ K nên về nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m² và thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 168m² các anh chị không biết rõ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông A được Tòa án xem xét chia thừa kế thì các anh chị từ chối nhận phần di sản được chia và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Ông Khương Văn H14 và bà Phùng Thị H15 đều trình bày: Năm 2003 ông, bà có nhận chuyển nhượng 01 diện tích đất của ông Đặng Hữu C, hai bên chỉ viết giấy trao tay chưa làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông bà tiến hành làm nhà thì cụ I ngăn không cho xây nên đã xảy ra tranh chấp giữa ông C với cụ I. Năm 2004, khi giữa ông bà với cụ I, ông C chưa giải quyết xong tranh chấp thì cụ I có lập di chúc chia cho ông A phần đất mà ông bà nhận chuyển nhượng với ông C mà không có ý kiến với ông bà. Hiện nay, phần đất này ông bà đã xây dựng nhà để bán hàng và kinh doanh. Ông bà mua đất của ông C là sự thỏa thuận giữa 2 bên không có tranh chấp về hợp đồng chuyển

nhượng, ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết việc mua bán đất giữa ông bà với ông C trong vụ án kiện chia thừa kế của ông Đặng Hữu A.

- Bà Đỗ Thị H6 trình bày: Bà là vợ của ông Đặng Hữu D. Nguồn gốc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4 tại thôn TH, xã BP hiện nay ông A đang kiện chia thừa kế theo di chúc là đất bờ tre giáp với đường làng cụ I cho vợ chồng bà vào năm 1986. Năm 1987, ông bà đã xây dựng nhà và sinh sống từ đó cho đến nay. Quá trình sinh sống ông bà đã san lấp đất ao hợp tác xã thì diện tích đã tăng như hiện nay. Nay ông A yêu cầu chia thừa kế bà không đồng ý và ủy quyền cho ông D toàn quyền tham gia tố tụng và giải quyết vụ án.

- Anh Đặng Hữu H7, anh Đặng Hữu H8, chị Đặng Thị H9 trình bày: Các anh chị là con của ông D, bà Thêm, nguồn gốc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4 tại thôn TH, xã BP hiện nay ông A đang kiện chia thừa kế theo di chúc các anh chị đều không biết. Các anh chị ủy quyền cho ông D thay mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và toàn quyền giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc.

- Bà Đặng Thị H10 trình bày: Bà là vợ của ông Đặng Hữu C. Nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4 tại thôn TH, xã BP là do cụ I chia cho ông bà vào năm 1987 khi đó bà và ông C ở tỉnh Phú Thọ. Năm 1989, ông bà đã về thửa đất này làm nhà ở, quá trình sinh sống ông bà đã san lấp, lấn chiếm đất công nên diện tích đất đã tăng như hiện nay. Năm 2003 bà, ông C có chuyển nhượng cho ông H14 và bà H15 100m², ông H14, bà H15 xây dựng nhà ở thì xảy ra tranh chấp. Tháng 5/2004 cụ I lập di chúc chia thừa đất 223, 224 không bàn bạc gì với các con trong gia đình. Nay ông A yêu cầu chia thừa kế bà không đồng ý và ủy quyền cho ông C thay mặt bà tham gia tố tụng tại Tòa án và có toàn quyền giải quyết vụ án.

- Chị Đặng Thu H11, chị Đặng Bích H12, anh Đặng Hữu H13 trình bày: Các anh chị là con của ông C, bà X. Nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4 tại thôn TH, xã BP hiện nay ông A đang kiện chia thừa kế theo di chúc các anh chị đều không biết. Các anh chị ủy quyền cho ông C thay mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và toàn quyền giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc.

- Anh Nguyễn Khắc H3, chị Nguyễn Thị H16 trình bày: Năm 1997 anh chị có mua 01 thửa ruộng của cụ I tại khu ĐC có diện tích 216m² với giá 15.900.000 đồng. Việc mua bán ruộng đều có sự đồng ý của cụ K và các con cụ I là bà H5, ông E, bà H, bà H1, ông A, ông C, ông D và đã được lập giấy có các con cụ I ký tên. Nay ông A, kiện yêu cầu chia thừa kế với ông C thì anh chị yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho anh chị.

- Ông Nguyễn Hữu H16 trình bày: ông là chủ sở hữu đang quản lý sử dụng thửa đất số 216 giáp với thửa đất 223 của ông Đặng Hữu C và bà Đặng Thị H10 đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc thửa đất này, ông được cụ Nguyễn Thị Ty mua của các cụ trong thôn vào năm 1990. Quá trình sử dụng đất, ông và ông C, bà X không có tranh chấp gì. Thửa đất 216 và 223 hiện nay đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay thửa đất 223 xác định có lấn sang phần đất thửa 216 của ông, ông không có ý kiến gì và nhất trí với hiện trạng đang sử dụng đất như hiện tại của gia đình ông.

- Ông Đặng Đình H18 và bà Nguyễn Thị H17 trình bày: Năm 2012, ông bà có nhận chuyển nhượng thửa đất số 225, tờ bản đồ số 4 tại thôn TH, xã BP, huyện TT, TP. Hà Nội. Khi ông bà nhận chuyển nhượng trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng xây hết đất, ngoài ra trên đất không có tài sản gì khác, tài sản từ khi nhận chuyển nhượng đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng. Thửa đất số 225 tờ bản đồ số 4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Đình H18 vào năm 2012. Nay Tòa án giải quyết vụ kiện chia thừa kế, theo kết quả đo đạc thì thửa 224 lấn sang thửa 225 ông bà không có ý kiến gì và không có yêu cầu quản lý diện tích lấn chiếm. Ông bà đề nghị Tòa án không triệu tập ông bà vì ông bà không liên quan gì.

- Ủy ban nhân dân xã BP trình bày:

+Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m², loại đất ở, đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu C theo kết quả đo đạc năm 2001. Căn cứ văn bản số 263/CV-TA ngày 23/3/2018 thì thửa đất này tăng 251,7m².

+Thửa đất số 224, tờ bản đồ số 4, diện tích 267m², loại đất ở, đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu D theo kết quả đo đạc năm 2001. Căn cứ văn bản số 263/CV-TA ngày 23/3/2018 thì thửa đất này tăng 333,3m².

Diện tích tăng của hai thửa đất trên là do lấn chiếm phần đất công (đất ao) của UBND xã quản lý, vấn đề này UBND xã đề nghị Tòa án nhân dân huyện xem xét cho hợp thức hóa bằng hình thức thu tiền sử dụng đất theo quy định vì ao này đã bị ô nhiễm không còn khả năng sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 27/11/2018, Tòa án nhân dân huyện TT đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 34, 39, 147, 161, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 648, 655, 656 Bộ luật dân sự năm 1995.

Áp dụng khoản 1 Điều 623, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thương vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không C chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu A về việc chia thừa kế tài sản theo di chúc của cụ Đặng Hữu I lập ngày 24/5/2004 vì di chúc không hợp pháp, không C chấp nhận yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Hữu C với ông Khương Văn H14 và bà Phùng Thị H15.

Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Hữu A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), ông A đã nộp tại Tòa án.

Về án phí: Ông Đặng Hữu A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tại biên lai thu số 0005221 ngày 03/01/2012. Trả lại ông Đặng Hữu A số tiền tạm ứng án phí là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngày 11/12/2018 ông A kháng cáo toàn bộ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1- Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng luật tố tụng, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT là đúng quy định. Đơn kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định.

Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Đặng Hữu A đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2- Về nội dung vụ án: Ông Đặng Hữu A khởi kiện chia thừa kế đối với ông Đặng Hữu C, ông Đặng Hữu D theo di chúc của Cụ Đặng Hữu I để lại ngày 24/5/2004. Đồng thời đề nghị Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Hữu C với ông Nguyễn Khương H14, bà Phùng Thị H15.

Xét yêu cầu chia thừa kế theo di chúc ông C của ông A thấy: Ông A chỉ xuất trình được bản sao giấy di chúc do cụ Đặng Hữu I lập ngày 24/5/2004 mà không xuất trình được bản gốc. Mặc dù Ủy ban nhân dân xã BP có xác nhận việc cụ I lập di chúc có nội dung như bản di chúc ông A xuất trình tại Tòa án là đúng nhưng UBND xã cũng không lưu giữ được bản gốc. Do đó, chứng cứ ông A xuất trình không phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức.

Xét về nội dung bản di chúc cụ Đặng Hữu I lập ngày 24/5/2004: Thấy Cụ Đặng Hữu I chưa có căn cứ xác nhận quyền sở hữu sử dụng hợp pháp đối với tài sản thuộc sở hữu của mình, mà di chúc chỉ ghi “Cha tôi để lại cho tôi mảnh đất bờ tre diện tích chiều ngang 28,5m đông giáp nhà ông Dũng, Tây giáp nhà bà Tuấn Uy, Nam giáp đường cái, Bắc giáp ao nhà tổ”; Theo báo cáo của UBND xã BP cung cấp thì: Mảnh đất này cụ Đặng Hữu I nêu trong di chúc thuộc đất ao đã vào HTX, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, các ông bà A,C, E, D, H5, H, H1 là con của cụ I, cụ K cũng như những người làm chứng. Ủy ban nhân dân xã BP đều xác định thửa đất số 223, 224 ông C, ông D đang sử dụng là đất bờ ao, không xác định rõ chiều rộng của thửa đất. Quá trình sử dụng đất ông D, ông C có lấn chiếm đất công (lấp ao) do Ủy ban nhân dân xã BP quản lý để xây dựng nhà ở, các công trình phụ như hiện nay. Theo ông C, ông D khai tháng 5/2004 cụ I lập di chúc nhằm mục đích để ngăn không cho ông C bán đất, Cụ I cũng chưa được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp mà vẫn là đất của nhà nước do các cá nhân lấp ao sử dụng. Cụ I lập di chúc phân chia quyền sử dụng đất nhưng trên đất lại có tài sản là các ngôi nhà và các công trình do vợ chồng ông C và vợ chồng ông D xây dựng, sinh sống ổn định hơn 15 năm mà không được sự đồng ý của họ. Bản thân ông A và các con của cụ I đều xác định: cụ I đã phân chia đất cho các con là ông C và ông D mỗi người 01 thửa đất riêng từ năm 1987, các ông C ông D sau khi được chia đất đã làm nhà ở ổn định, hằng năm đã nộp thuế sử dụng đất, các ông đã kê khai và đứng tên trên sổ địa chính và tại bản đồ năm 2001. Như vậy, có căn cứ xác định: thửa đất số 223 và thửa số 224 ông C và ông D đang sử dụng không phải là tài sản của cụ I. Nên cụ Đặng Hữu I chưa có quyền lập di chúc đối với thửa đất này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định nội dung bản di chúc cụ I lập ngày 24/5/2004 mà ông Đặng Hữu A xuất trình không hợp pháp về nội dung. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của ông Đặng Hữu A không có căn cứ chấp nhận.

Đồng thời, ông Chinh yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Hữu C với ông Khương Văn H14, bà Phùng Thị H15 của ông A không có căn cứ chấp nhận.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông A, ông C, ông D, ông E, bà H5, bà H1, bà H, anh H3, anh H2, chị H4 đều xác định: Khi còn sống cụ I, cụ K còn các tài sản chưa chia và chưa lập di chúc gồm: Đất ở tại thửa số 89, tờ bản đồ số 4,

diện tích 188m² ông A đang quản lý sử dụng; đất ruộng tại thửa số 248, tờ bản đồ số 02, diện tích 522m² khu ĐA, phần diện tích đất này Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi; đất ruộng tại thửa số 117, tờ bản đồ số 02, diện tích 216m² khu ĐC, phần diện tích đất này cụ I đã bán cho anh Nguyễn Khắc H3 vào năm 2006; đất ruộng tại thửa số 412, tờ bản đồ số 02, diện tích 384m² khu ĐC. Đối với các tài sản này ông A, ông C, ông D, ông E, bà H5, bà H1, bà H, anh H3, anh H2, chị H4 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này và sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác khi những người trên có yêu cầu.

- Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất số 223 có lần 1 phần sang thửa số 216 của ông Nguyễn Hữu H16; thửa đất số 224 lần sang thửa đất số 225 của ông Đặng Đình H18 và bà Nguyễn Thị H17 nhưng các chủ sử dụng đất đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Ông Khương Văn H14 (tức Nguyễn Khương H14), bà Đặng Thị H15 không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất nhận chuyển nhượng của ông Đặng Hữu C. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Nguyễn Khắc H3, chị Nguyễn Thị H16 yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất anh chị có mua 01 thửa ruộng của cụ I tại khu ĐC có diện tích 216m² với giá 15.900.000 đồng. HĐXX xét thấy nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu chia thừa kế đối các tài sản khác ngoài thửa đất số 223 và 224 thuộc tờ bản đồ số 4 tại thôn TH, xã BP, huyện TT, TP. Hà Nội. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo gọi của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án có căn cứ xác định cụ Đặng Hữu I, cụ Phùng Thị K đã cho các con là ông C, ông D ra ở tại khu đất bờ ao đã vào HTX từ năm 1987.

Việc ông Đặng Hữu A cho rằng cụ Đặng Hữu I lập di chúc ngày 24/5/2004 chia cho ông 7,5m đất bờ ao theo mặt đường làng nằm trong phần đất do ông Đặng Hữu C quản lý. Qua nghiên cứu hồ sơ tài liệu có trong vụ án, qua lời khai của các bên đương sự, ý kiến của UBND xã BP thì thấy nội dung kháng cáo của ông A không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí:

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 6 Điều 11 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị Quyết 326 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Không C chấp nhận kháng cáo của Đặng Hữu A.

Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 25/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện TT. Cụ thể:

- Không C chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu A yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc ngày 24/5/2004 của cụ Đặng Hữu I đối với ông Đặng Hữu C, Đặng Hữu D .

- Không C chấp nhận yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Hữu C với ông Khương Văn H14 và bà Phùng Thị H15.

Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Hữu A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), ông A đã nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Đặng Hữu A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tại biên lai thu số 0005221 ngày 03/01/2012. Trả lại ông Đặng Hữu A số tiền tạm ứng án phí là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ông Đặng Hữu A phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 0001203 ngày 13/12/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện TT.

Án xử công khai phúc thẩm và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Toà án nhân dân quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã kí)

Nguyễn Quốc Thái